

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xuyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Duy Viên,
- Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q ngày 21/9/2005. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống; một phần do anh N vô tâm, không có trách nhiệm với gia đình. Chị L nhiều lần trao đổi, khuyên bảo nhưng anh N không thay đổi khiến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn gay gắt, anh chị đã sống ly thân từ

đầu năm 2022 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, chị L yêu cầu được ly hôn anh N. Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 16/6/2006, Nguyễn Hồng P, sinh ngày 04/12/2007 và Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 29/9/2018. Kể từ khi ly thân, cháu Hạnh và cháu Thành do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Phúc do anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện anh N đi làm công nhân có thu nhập ổn định; chị L bán quán ăn sáng và có cửa hàng kinh doanh sữa nên có thu nhập ổn định và có thời gian chăm sóc các con. Do cháu H có nguyện vọng sống cùng chị L, cháu Phúc có nguyện vọng sống cùng anh N, cháu Thành còn nhỏ nên khi ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao cháu P cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H và T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng cho con, chị tự thỏa thuận với anh N, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh N tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn (anh Nguyễn Văn N) trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân, con chung như nội dung trình bày của chị L. Tuy nhiên, anh N không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để không ảnh hưởng đến các con. Trường hợp phải ly hôn, anh nhận nuôi cháu P, đồng ý để chị L nuôi cháu H và T. Việc cấp dưỡng cho con, tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Chị L và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn, bất hoà nên chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và mở quán bán hàng ăn sáng. Anh chị có 03 con chung. Các vấn đề khác do anh chị không thông báo nên địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ; mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, vắng mặt tại phiên họp, hòa giải và phiên tòa không có lý do là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N; giao con Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 16/6/2006; Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 29/9/2018 cho chị L trực tiếp nuôi; giao con Nguyễn Hồng P, sinh ngày 04/12/2007 cho anh N trực tiếp nuôi. Không giải quyết việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung do các đương sự không yêu cầu giải quyết. Do chị L là nguyên đơn nên chị phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh Nguyễn Văn N là bị đơn, hiện đang cư trú tại: Thôn C, xã Q, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn (chị L) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn (anh N) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L, anh N.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn N được xác lập từ ngày 21/9/2005 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tình tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống; một phần do anh N vô tâm, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Vì mâu thuẫn gay gắt, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, chị L cùng 02 con về sống tại nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của chị L, anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh N không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được giải pháp nào khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị L được ly hôn anh N.

[4] Về con chung: Các đương sự cùng xác nhận, vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 16/6/2006, Nguyễn Hồng P, sinh ngày 04/12/2007 và Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 29/9/2018. Kể từ khi anh chị ly thân, cháu H và cháu T do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Phúc do anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện anh N đi làm công nhân có thu nhập ổn định; chị L bán quán ăn sáng và có cửa hàng kinh doanh sữa nên có chỗ ở và thu nhập ổn định, có thời gian chăm sóc các con.

Cháu H có nguyện vọng được chị L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu P có nguyện vọng được anh N trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con; căn cứ các khoản 2, 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, giao các con Nguyễn Thị Hồng H, Nguyễn Tuấn T cho chị L trực tiếp nuôi; giao con Nguyễn Hồng P cho anh N trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng cho con, các đương sự đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự cùng đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 16/6/2006 và Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 29/9/2018 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi; giao con Nguyễn Hồng P, sinh ngày 04/12/2007 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006469 ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

Chị L, anh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (đề thi hành);
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã Q, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (ĐKKH năm 2005);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Xuyên